TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 9 - 2017
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đức;

Ông Lê Minh Chiến.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án N dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2017/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Đỗ Thành N,** sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn B, huyện B, tỉnh E.

- *Bị đơn:* **Phan Thị M**, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn B, huyện B, tỉnh E.

Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04 tháng 8 năm 2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28/4/2017, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đỗ Thành N trình bày:*

Anh và chị Phan Thị M chung sống với nhau từ năm 1998 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn do vợ chồng nghèo phải lo đi làm ăn nên

không nghĩ đến việc đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên N là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Tiêu Bo, sinh ngày 01/10/2001. Hiện con đang sống với mẹ, khi ly hôn anh để chị M nuôi con và anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 04/8/2017, bị đơn chị Phan Thị M trình bày:*

Chị thống nhất với phần trình bày của anh N về quan hệ hôn N, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nên nay qua yêu cầu ly hôn của anh N thì chị đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Tiêu Bo, sinh ngày 01/10/2001. Hiện con đang sống với chị, khi ly hôn chị xin nuôi con và chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán có chấp hành theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát thì Thẩm phán vi theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Những người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn chấp hành tốt, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không đặt vấn đề vi phạm về nghĩa vụ. Đối với vi phạm của Thẩm phán trên chỉ là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên chỉ kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

** Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, 15, 16, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn N và gia đình không công nhận mối quan hệ giữa Anh N và chị M là vợ chồng vì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng cho đến nay vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị M.

Chị M được nuôi con chung tên Đỗ Tiêu Bo, sinh ngày 01/10/2001, ghi nhận việc chị M không yêu cầu anh N không cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung , nợ chung hai bên khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn chị Phan Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04 tháng 8 năm 2017, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1].*Về quan hệ hôn nhân:*

Trong quá trình giải quyết vụ án cả anh N và chị M đều khai thống nhất sống chung như vợ chồng từ năm 1998 nhưng cho đến thời điểm hiện tại anh chị vẫn không có đăng ký kết hôn, vì vậy không có giấy đăng ký kết hôn để giao nộp cho Tòa án.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 28/4/2017 của anh Đỗ Thành N gởi Ủy ban N dân thị trấn Bình Đại được Ủy ban xác nhận: Anh Đỗ Thành N, sinh năm 1975 và chị Phan Thị M, sinh năm 1977 qua kiểm tra sổ bộ đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân thị trấn Bình Đại thì không có tên của anh N và chị M, nên xác định anh N và chị M không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân thị trấn Bình Đại.

Từ những cơ sở nêu trên, xác định được anh Đỗ Thành N và chị Phan Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, và cả 02 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Bình Đại nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bình Đại; và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Anh N và chị M có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, lẽ ra anh chị phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn N và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa anh N và chị M là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa anh Đỗ Thành N và chị Phan Thị M là vợ chồng.

[2.2]. *Về con chung:* Quá trình chung sống chị M và anh N có 01 con chung tên Đỗ Tiêu Bo, sinh ngày 01/10/2001. Hiện con chung đang sống chung với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con chung và anh N cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với cháu Bo tại thời điểm giải quyết ly hôn cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị M. Đồng thời từ trước đến nay cháu Bo đều sống với chị M, việc chị M nuôi con chung vẫn phát triển bình thường và để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị nên để chị M tiếp tục nuôi cháu Tâm cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn N và gia đình, đồng thời anh N cũng đồng ý để chị M được tiếp tục nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[2.3]. *Về tài sản chung:* Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4]. *Về nợ chung:* Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.5]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.6]. *Về án phí hôn N sơ thẩm:* Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án anh Đỗ Thành N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; 14,15, 16, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Thành N và chị Phan Thị M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Đỗ Tiêu Bo, sinh ngày 01/10/2001 cho chị Phan Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị M nuôi con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Thành N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Phan Thị M trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đỗ Thành N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá N, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 luật Hôn N và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và theo yêu cầu của chị M, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn N sơ thẩm: Anh Đỗ Thành N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đỗ Thành N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005710 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy anh Đỗ Thành N đã nộp đủ án phí.

Anh Đỗ Thành N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Phan Thị M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Minh Chiến – Bùi Tuấn Khanh	**Trần Thị Mỹ Duyên**